

Số: 884/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) năm 2019 cho Bộ Giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khoá XIV: số 70/2018/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2018 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, số 73/2018/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2018 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2019;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4339/TTr-BKHĐT ngày 25 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Bộ Giao thông vận tải kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương năm 2019 tại các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Căn cứ danh mục dự án và tổng số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 được giao tại Điều 1 Quyết định này, quyết định giao cho Bộ Giao thông vận tải chi tiết danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư ngân sách trung ương năm 2019 của từng dự án theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019. Định kỳ hằng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

Điều 3. Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, danh mục và mức vốn ngân sách trung ương năm 2019 được giao tại Quyết định này và Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn từng dự án, bao gồm thu hồi các khoản vốn ứng trước theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 7 năm 2019.

2. Thực hiện các quy định tại Khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 3 Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 18



Nguyễn Xuân Phúc



Bộ Giao thông vận tải

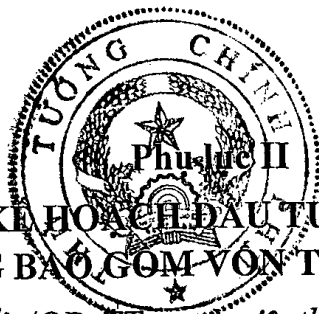
Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2019		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	TỔNG SỐ	5.164.396	1.697.549	3.466.847
I	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.393.147	926.300	3.466.847
-	Ngành Giao thông	4.351.025	926.300	3.424.725
-	Ngành Khoa học, công nghệ	42.122		42.122
II	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	771.249	771.249	
-	Ngành Giao thông	771.249	771.249	



Bộ Giao thông vận tải

**DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN TRONG NƯỚC KHÔNG BAO GỒM VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ) NĂM 2019**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư, QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
	TỔNG SỐ				406.422	406.422
	NGÀNH GIAO THÔNG				406.422	406.422
	Dự án chuyển tiếp					
1	Kiên cố hóa Quốc lộ 91 đoạn qua địa phận tỉnh An Giang	An Giang	2013 - 2015	1779/QĐ-TCĐBVN ngày 31/10/2012	406.422	406.422



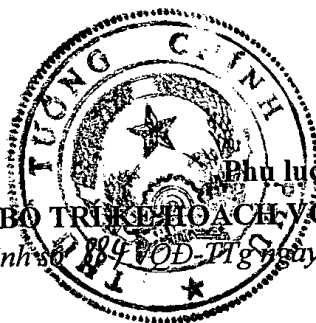
Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2019
(KHÔNG BAO GỒM DỰ ÁN GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC)
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Số quyết định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
							Trong đó:				
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt							
	NSTW	Tinh bằng ngoại tệ		Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW						
TỔNG SỐ						157.107.553	33.852.702	33.536.201		234.443.561	123.143.561
						156.136.212	33.349.497	33.108.477		233.975.425	122.675.425
I	NGÀNH GIAO THÔNG										
A	Các dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng Quỹ PDF		2017-2018	AFD	1734/QĐ-BKHĐT ngày 19/12/2012	44.736				44.736	44.736
1	Cao tốc Bắc Nam đoạn Ninh Bình - QL45	Ninh Bình			119/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2018	23.249			1.037.199 USD	23.249	23.249
2	Cao tốc Bắc Nam đoạn QL45 - Nghi Sơn	Ninh Bình - Thanh Hóa			119/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2018						
3	Cao tốc Bắc Nam đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu (Nghệ An)	Thanh Hóa - Nghệ An			1507/QĐ-BGTVT ngày 12/7/2018	21.487			931.582 USD	21.487	21.487
4	Cao tốc Bắc Nam đoạn Diễn Châu (Nghệ An) - Bãi Vọt	Nghệ An - Hà Tĩnh			1507/QĐ-BGTVT ngày 12/7/2019						
B	Các dự án chuyển tiếp					155.978.788	33.348.109	33.107.089		122.630.689	122.630.689
1	Dự án xây dựng Cầu Nhật Tân và đường hai đầu cầu thành phố Hà Nội	Hà Nội	2011-2015	JICA	53/QĐ-BGTVT ngày 7/1/2009	13.626.300	3.508.700	3.508.700	63,783 triệu JPY	10.117.600	10.117.600
2	Dự án phát triển cảng quốc tế Cái Mép-Thị Vải	Bà Rịa Vũng Tàu	2008-2014	JICA	QĐ số 435/QĐ-BGTVT ngày 8/3/2011	12.891.234	2.699.201	2.699.201	47,405 triệu JPY	10.192.033	10.192.033
3	Dự án xây dựng đường nối từ sân bay Nội Bài đến cầu Nhật Tân	Hà Nội	2011-2014	JICA	QĐ số 315/QĐ-BGTVT ngày 05/2/2010; QĐ số 1567/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2012	6.742.378	2.165.977	2.165.977	18,105 triệu Yên	4.576.401	4.576.401

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm						
					Số quyết định	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
							Tổng số	Trong đó:	Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt	
NSTW	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW									
4	Dự án QL 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên	Hà Nội, BN, TN	2009-2013	JICA	1611/QĐ-BGTVT ngày 10/7/2012	10.217.230	3.552.920	3.552.920	28,955 tỷ Yên	6.664.310	6.664.310
5	Dự án đường hành lang ven biển phía Nam địa phận VN từ cửa khẩu Xà Xía tỉnh Kiên Giang đến giao QL1 Km 225+200 TP. Cà Mau (giai đoạn 1)	Kiên Giang, Cà Mau	2010 - 2015	DFAT, ADB, EDCF	2797/QĐ-BGTVT ngày 13/9/2007; 2964/QĐ-BGTVT ngày 15/11/2012	8.831.455	2.187.228	2.187.228	330,28 triệu USD	6.644.227	6.644.227
6	Dự án: Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ (WB6)	Khu vực đồng bằng Bắc bộ	2008-2015	WB	883/QĐ-BGTVT 04/4/2008; 1038/QĐ-BGTVT-02/4/2014	4.426.386	829.947	829.947	170,69 triệu USD	3.596.438	3.596.438
7	Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm thuộc đường vành đai III thành phố Hà Nội (Bao gồm cả 02 tiểu dự án sử dụng vốn dự)	Hà nội	2009-2013	JICA	643/QĐ-BGTVT 13/3/2008; 2493/QĐ-BGTVT 10/10/2012; 385/QĐ-BGTVT 11/02/2014	5.547.403	969.295	969.295	28,069 (Triệu Yên)	4.578.108	4.578.108
8	Dự án nâng cấp mạng lưới giao thông tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) phía Bắc thứ 2 (QL217) - GĐ1	Thanh Hóa	2010-2016	ADB	2314/QĐ-BGTVT ngày 27/9/2010; 2752/QĐ-BGTVT 21/7/2014	1.899.300	436.800	436.800	75 triệu USD	1.462.500	1.462.500
9	Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông (Phần thực hiện dự án)	Hà Nội	2000-2016	China Eximbank	3136/QĐ-ngày 15/10/2008; 1260/QĐ ngày 13/5/2010; 513/QĐ-BGTVT-23/2/2016	18.001.597	4.134.399	4.134.399	669,62 Triệu USD	13.867.198	13.867.198
	Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông (Vốn để trả nợ gốc phần vay lại của Hiệp định 250 triệu USD)										
10	Dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mê Kông (DATP1, 2 & 3)	Cần Thơ, Đồng Tháp	2013 - 2017	DFAT, ADB, EDCF	3058/QĐ-BGTVT ngày 25/10/2010; 464/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2011; 465/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2011	19.455.046	2.058.246	2.058.246	830 triệu USD	17.396.800	17.396.800
11	Dự án hiện đại hóa Trung tâm điều hành vận tải	Hà Nội	2007-2017	KFW	1095/QĐ-ĐS ngày 6/9/2007	246.281	35.494	35.494	10,6 Triệu EURO	210.787	210.787

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm						
					Số quyết định	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
							Tổng số	Trong đó:		Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt
NSTW		Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW								
12	Dự án ĐTXD cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Hợp phần A) - Giai đoạn khởi động	Hải Phòng	2013-2019	JICA	3793/QĐ-BGTVT 22/12/2008; 667/QĐ-BGTVT 14/2/2015	18.624.333	2.215.147	2.215.147	31033 Tr Yên	16.409.186	16.409.186
13	Hợp phần 2B - Dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi		2016-2018	WB	3560/QĐ-BGTVT 22/9/2014; 658/QĐ-BGTVT 7/3/2016	113.691	2.200	2.200		111.491	111.491
14	Dự án xây dựng tuyến Lộ Tê - Rạch Sỏi	Cần Thơ, Kiên Giang	2014 -2017	EDCF	786/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2010	6.693.775	2.526.975	2.526.975	200 triệu USD	4.166.800	4.166.800
15	Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1 (phần thực hiện dự án)	Hà Nội	2011-2017	JICA	3304/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2008	19.459.000	5.487.000	5.487.000	106.053 Triệu Yên	13.972.000	13.972.000
16	Dự án ĐTXD cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	51 tỉnh	2017 - 2021	WB	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	9.203.380	538.580	297.560	358 triệu USD	8.664.810	8.664.810
C	Các dự án hỗ trợ kỹ thuật					112.688	1.388	1.388		111.300.000	
1	Dự án Đối tác trao đổi kinh nghiệm phát triển lĩnh vực giao thông vận tải, sử dụng ODA không hoàn lại của Hàn Quốc	Nhiều tỉnh	2017-2019	Hàn Quốc	682/QĐ-BGTVT ngày 14/03/2017	112.688	1.388	1.388	5 triệu USD	111.300.000	
II	NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					971.341	503.205	427.724		468.136	468.136
1	Dự án đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm trọng điểm - Bê thử mô hình tàu thủy thuộc Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	Hải phòng	2015-2019	KBNN Hải phòng	3800/QĐ-BGTVT, 26/10/2015	971.341	503.205	427.724	18,3 triệu EUR+2,563 triệu USD	468.136	468.136



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2019
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số	Trong đó: vốn TPCP
				6	7	
	TỔNG SỐ				11.556.205	9.330.700
A	Danh mục dự án sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 chuyển nguồn sang giai đoạn 2016-2020				9.781.205	7.555.700
1	Dự án ĐTXD công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu	Trà Vinh	2013-2015	2368/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2013	9.781.205	7.555.700
B	Dự án sử dụng nguồn 15.000 tỷ đồng dự phòng Kế hoạch trung hạn theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH ngày 30/7/2018				1.775.000	1.775.000
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long	Bến Tre, Vĩnh Long	2019-2020	535/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2019	875.000	875.000
2	Dự án cải tạo, nâng cấp mặt đường tuyến Quán Lộ - Phụng Hiệp	Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau	2019-2020	450/QĐ-BGTVT ngày 11/3/2019	900.000	900.000